

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 12 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thành.
2. Bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Quốc K, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2024, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân, bà (Nguyễn Thị N) và ông Tạ Quốc K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình cả hai không còn phù hợp.

Cả hai người có hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Bà nhận xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tạ Quốc K. Về con chung có 02 người tên là Tạ Quốc T (giới tính nam) sinh năm 1995 và Tạ Thành Ba T (giới tính nam), sinh ngày 16/10/2012. Hiện Tạ Quốc T đã trưởng thành, riêng Tạ Thành Ba T đang chung sống cùng với gia đình, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi Tạ Thành Ba T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Tạ Quốc K đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tạ Quốc K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Tạ Quốc K vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Quốc K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi, cả hai không còn chung sống với nhau mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Tạ Quốc K. Ông Tạ Quốc K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét cho thấy ông Tạ Quốc K không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Quốc K vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Quốc K không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Quốc K không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung có 02 người tên là Tạ Quốc T (giới tính nam) sinh năm 1995 và Tạ Thành Ba T (giới tính nam), sinh ngày 16/10/2012. Hiện Tạ Quốc T đã trưởng thành nên bà Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết. Đối với Tạ Thành Ba T đang

chung sống cùng gia đình. Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng Tạ Thành Ba T, không yêu cầu ông Tạ Quốc K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Tạ Thành Ba T có ý kiến nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị N, do đó cần phải xem xét theo nguyện vọng của cháu Tạ Thành Ba T theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Tạ Thành Ba T cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải chịu chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Tạ Quốc K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Tạ Thành Ba T (giới tính nam), sinh ngày 16/10/2012 cho bà Nguyễn Thị N chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Tạ Thành Ba T đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tạ Quốc K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015157, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước